

Bản án số: **30/2018/HS-PT.**

Ngày: 11-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Ông Huỳnh Đức Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Lê Minh Thích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLPT-HS, ngày 02/5/2018 đối với bị cáo Đào C (C), Lâm Đ do có kháng cáo của bị cáo, bị hại Đào C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S.

- Bị cáo, bị hại có kháng cáo: Đào C (Tên gọi khác: C), sinh năm 1962, tại huyện M, tỉnh S. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào X (s) và bà Lâm Thị Sà V (s); có vợ và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/10/2017 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại Đào C (C): Ông Trần Phước Thọ, luật sư Văn phòng luật sư Thành Danh, đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: số B65/4, Lương Định Của, ấp 4, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo, bị hại bị kháng cáo, liên quan kháng cáo: Lâm Đ, sinh năm 1967, tại huyện T, tỉnh S. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm H (c) và bà Dương Thị Đ1 (c); có vợ và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/10/2017 cho đến nay (có mặt).

- Những người liên quan đến kháng cáo:

Người làm chứng:

1. Bà Đào Thị Na R, sinh năm 1948 (có mặt).
2. Bà Mai Thị M (N), sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh S

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Bà Sơn Hồng Vân- Phóng viên Báo Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 13/01/2017, bị cáo Lâm Đ đi bộ ngang nhà của Đào C thì bị con chó của Đào C cắn nhưng không trúng, bị cáo Đ đá con chó, nên giữa Lâm Đ và vợ Đào C là bà Mai Thị M phát sinh cự cãi nhau. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo Lâm Đ cầm cây lưỡi hái cán bằng ống nhựa màu xanh dài 0,18m, lưỡi bằng kim loại dài 0,25m, bề rộng nhất của lưỡi hái 0,02m đi cắt cỏ cho bò ăn tại khu đất trống của bà Sơn Thị N1, cách nhà của bị cáo Đ khoảng 5,9m; cách nhà bị cáo Đào C khoảng 12,4m thì giữa bị cáo Đ và bà M tiếp tục cãi nhau. Một lúc sau, bà Đào Thị Na R (mẹ vợ của bị cáo Đ) ở gần đó nghe cãi nhau nên đi lại đứng sau lưng bị cáo Đ cách khoảng 02, 03 mét hỏi nguyên nhân sự việc và khuyên can Đ về nhà nhưng bị cáo Đ không nghe, vẫn ngồi chửi bà M. Lúc này, bị cáo Đào C đang ngủ trong nhà thì cháu ngoại của bị cáo C là Đào Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2011 gọi bị cáo C thức dậy, bị cáo C đi ra thấy bà M đang đứng ở hàng ba trước nhà chửi qua lại với bị cáo Đ, nên bị cáo C nói với bà M “Sao thằng Đ chửi mày mà mày đứng yên đó vậy”, nói xong bị cáo C lượm một khúc cây gỗ dài 1,05m, đường tròn lớn nhất 0,2m, đường tròn nhỏ nhất 0,16m ở dưới đất trước sân nhà bị cáo C với ý định đi qua đánh bị cáo Lâm Đ, nhưng được bà M can ngăn, giật khúc cây ném bỏ gần đó rồi bà M ôm và kéo bị cáo Đào C vào trong nhà, sau đó bà M đi ra nhà sau nấu nước. Còn bị cáo Lâm Đ ngồi cắt cỏ và tiếp tục chửi bà M, bà R vẫn đứng sau lưng để khuyên can bị cáo Đ đi về nhà, nhưng Đ không chịu về.

Khoảng 10 phút sau, Đào C từ nhà sau đi ra theo đường bên hông nhà đến trước sân lượm lại khúc cây mà bà M ném bỏ trước đó cầm cây trên tay đi qua chỗ bị cáo Lâm Đ đang ngồi cắt cỏ. Khi bị cáo C đi gần đến thì bà R nhìn thấy la lên “Nó lại tới rồi mày về đi”, nghe tiếng la của bà R, bị cáo Đ ngược lên nhìn thấy bị cáo Đào C, bị cáo Đ đứng dậy đối diện cách bị cáo Đào C khoảng 01 đến 02 mét, tay phải bị cáo Đ cầm lưỡi hái. Sau đó, bị cáo C cầm cây trên hai tay đánh từ trên xuống vào người bị cáo Đ, bị cáo Đ đưa tay trái lên đỡ nên bị đánh trúng vào bàn tay trái, vừa đỡ xong, bị cáo Đ cầm lưỡi hái trên tay phải chém trúng vào tay phải của bị cáo C làm chảy máu. Bị cáo Đào C tiếp tục cầm cây trên hai tay đưa lên đánh bị cáo Đ thêm hai cái nữa, bị cáo Đ cũng đưa tay trái lên đỡ làm một cây trúng vào khuỷu tay trái và một cây trúng vùng vai bên trái. Lúc này, bị cáo Đ cầm lưỡi hái trên tay phải chém, móc nhanh, liên tục ngang qua lại từ ngoài vào trong

trúng một cái vào tay phải, trúng hai cái vào tay trái, trúng một cái vào vùng ngực trái và một cái vào vùng ngực phải làm cho bị cáo Đào C bị dạt ra thụt lùi về sau, trên tay bị cáo Đào C vẫn còn cầm cây và cơ thể ra nhiều máu. Khi đó bà R nhào vô can ngăn, bị cáo Đào C bỏ lại khúc cây tại hiện trường, cùng lúc có ông Sơn Danh chạy lại, bà M từ trong nhà sau đi ra cùng bà R kè bị cáo Đào C đi vô hàng ba nhà của bị cáo C. Sau đó, mọi người đưa C đi bệnh viện cấp cứu, điều trị. Còn bị cáo Đ cầm lưỡi hái về nhà kể lại sự việc cho vợ của bị cáo là bà Liêu Thị Kim T2 nghe, bà T2 trình báo công an và tự nguyện giao nộp cây lưỡi hái cho công an.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 84/TgT-PY ngày 10/5/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Đào C là 28%; Tổn thương do vật sắc gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 100/TgT-PY ngày 26/5/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lâm Đ là 08%; Tổn thương do vật tày gây nên.

Tại bản án số 06/2018/HSST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S tuyên xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Lâm Đ và bị cáo Đào C (C) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lâm Đ.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đào C (C).

Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585; khoản 1 Điều 586; 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 36 Luật giám định tư pháp; Điều 6, Điều 8 của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lâm Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Xử phạt bị cáo Đào C (C) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Đào C (C) và Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Lâm Đ.

3.1 Buộc bị cáo Lâm Đ bồi thường cho bị hại Đào C (C) số tiền 66.975.117đ.

3.2 Buộc bị cáo Đào C (C) bồi thường cho bị hại Lâm Đ số tiền 7.629.962đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018, bị cáo và là bị hại Đào C (C) có đơn kháng cáo yêu cầu tuyên bố bị cáo Đào C không phạm tội “Cố ý gây thương tích”; buộc bị cáo Lâm Đ phải bồi thường cho bị hại Đào C (C) số tiền tổn thất tinh thần 10.000.000đ, tiền giám định 2.242.500đ, tiền phục hồi sức khỏe 5.500.000đ, tiền thương tích do bị mất vĩnh viễn là 10.000.000đ và tăng hình phạt đối với bị cáo Đ từ 1 năm tù trở lên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo, bị hại Đào C (C) vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại Đào C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo, bị hại Đào C (C) – Luật sư Trần Phước Thọ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hành vi của bị cáo Đào C không thể gây thương tích cho ông Đ do cây thu được tại hiện trường không phải là cây gây ra thương tích. Ông Đ dùng lưỡi hái gây thương tích liên tục cho bị cáo nên hành vi của bị cáo không phải là cố ý gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu xem xét tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông Chen từ 20 tháng lên 30 tháng lương cơ bản; tiền giám định ông Chen đã nộp cho Cơ quan Điều tra, đề nghị buộc Đ hoàn trả lại cho bị cáo C; Yêu cầu thêm 5.500.000đ tiền phục hồi sức khỏe do sức khỏe của bị cáo chưa bình phục; yêu cầu bồi thường thêm 10.000.000đ tiền thu nhập thực tế bị mất do tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 28%.

Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Đ do bị cáo Đ có hành vi rất quyết liệt, có dấu hiệu phạm tội đến cùng, đề nghị xử phạt bị cáo Đ 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại Đào C (C) được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 09/4/2018, theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo ông Đào C (C) là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Đ: Tại phiên tòa bị cáo Đ thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 17 giờ, ngày 13/01/2017, bị cáo Đ và bà M (vợ bị cáo C) cự cãi với nhau, khi đó bị cáo cắt cỏ bò tại khu vực đất trống nhà bà Sơn Thị Năng, cách nhà bị cáo C 12,4m, sau đó bị cáo Đào C đi ra lấy cây đi đến chỗ bị cáo Đ đánh bị cáo Đ, Đ đưa tay trái lên đỡ nên bị đánh trúng bàn tay trái, rồi bị cáo Đ dùng lưỡi hái trên tay phải chém bị cáo làm bị cáo chảy máu, bị cáo C tiếp tục dùng cây đánh Đ thêm 2 cái nên bị cáo Đ dùng lưỡi hái chém liên tục ngang qua lại trúng vào người bị cáo C. Hậu quả bị cáo gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể cho bị cáo Đào C là 28%, tổn thương cơ thể bị cáo C gây ra cho bị cáo là 8%.

Lời thừa nhận tội của bị cáo là phù hợp lời khai bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp lời khai người làm chứng Na R và phù hợp các biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 05 đến 07 năm tù, áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì hành vi bị cáo tương ứng tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và không oan cho bị cáo Đ.

[3] Xét hành vi phạm tội và kháng cáo kêu oan của bị cáo Đào C (C):

[3.1] Tại phiên tòa bị cáo Đào C (C) khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 13/01/2017, bị cáo đang ở nhà thì biết được vợ bị cáo (bà Mười) đang chửi nhau với Lâm Đ tại khu vực đất trống của bà Sơn Thị Năng nên bị cáo đi ra hỏi Đ lý do chửi vợ bị cáo thì Đ dùng lưỡi hái chém bị cáo hai cái, bà Mười chạy lại ôm bị cáo kéo ra, lúc đó bị cáo thấy khúc cây làm hàng rào nên bị cáo lấy và sử dụng đánh Lâm Đ một cây trúng tay Đ, Đ đưa tay lên đỡ nên làm rớt khúc cây xuống đất, Đ tiếp tục nhào vào chém bị cáo trúng tay, vùng ngực. Hậu quả bị cáo bị Lâm Đ gây thương tích 28%, Lâm Đ bị thương tích với tỷ lệ 8% nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù về hành vi dùng hung khí là khúc gỗ gây thương tích cho Lâm Đ. Lời thừa nhận của bị cáo như án sơ thẩm quy kết, nhưng bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[3.2] Xét kháng cáo của bị cáo Đào C (C) về việc cho rằng bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” với lý do bị cáo không đánh gãy tay Lâm Đ, cây bị cáo dùng đánh Lâm Đ là cây gỗ mục, khúc cây cơ quan Công an thu giữ và Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử tại tòa không phải cây bị cáo dùng đánh Lâm Đ thì thấy: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận khi xô xát với Lâm Đ thì bị cáo có dùng cây gỗ đánh trúng tay Lâm Đ (bút lục 208-220), lời khai này của bị cáo phù hợp với các lời khai của Lâm Đ (178-203), các lời khai người làm chứng Mai Thị M (bút lục 238 -243), Đào Thị Na R (bút lục 221-230). Bị cáo C cho rằng cây gỗ bị cáo dùng đánh Lâm Đ là gỗ mục tuy nhiên các lời khai của bị cáo C tại cơ quan điều tra không thể hiện cây bị cáo C sử dụng đánh Lâm Đ là gỗ mục, tại

phiên tòa sơ thẩm chính bị cáo thừa nhận cây gỗ bị cáo dùng đánh Lâm Đ là “cây dài hơn 01m, cây còn chắc” (bút lục 388). Tại bản kết luận giám định thương tích của Lâm Đ kết luận Lâm Đ bị tổn thương cơ thể là 8%, tổn thương gây ảnh hưởng chức năng ngón bàn tay trái và do vật tày gây ra và tại các lời khai của bị cáo C khai nhận “bị cáo dùng cây gỗ đánh Lâm Đ, Lâm Đ dùng tay đỡ nên trúng tay” (bút lục 208-220); tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C khai: khi xảy ra ẩu đả tại hiện trường chỉ có bị cáo C, Đ, bà M và chỉ có bị cáo cầm khúc cây, Đ cầm lưỡi hái, khi bị cáo cầm khúc cây đánh Đ thì Đ giơ tay lên đỡ và dùng lưỡi hái quơ chém bị cáo, bị cáo được vợ là bà M ôm kéo vào nhà thì Đ ngưng không chém nữa và bỏ cây tại hiện trường.”. Lời khai này của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục 44-45) là có thu giữ khúc cây và phù hợp với kết luận giám định về thương tích (bút lục 59) vết thương của Đ do vật tày gây ra, do đó có cơ sở khẳng định thương tích trên tay trái của Lâm Đ là do bị cáo C dùng cây gỗ đánh vào tay Lâm Đ trong quá trình xảy ra ẩu đả gây nên.

Ngoài ra bị cáo C cho rằng khúc cây gỗ thu giữ tại hiện trường không phải khúc cây bị cáo dùng đánh Lâm Đ, việc khám nghiệm hiện trường không đúng quy định thì xét thấy, sau khi xảy ra sự việc, Công an đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ tại khu vực đất trống nơi xảy ra ẩu đả giữa bị cáo và Lâm Đ thì không phát hiện có khúc gỗ nào khác ngoài khúc gỗ tang vật được thu giữ, mặc khác Lâm Đ và người làm chứng Đào Thị Na R trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều nhận dạng đúng khúc gỗ tang vật được thu giữ là khúc gỗ mà bị cáo C dùng đánh Lâm Đ. Bị cáo C cho rằng việc khám nghiệm hiện trường không đúng quy định vì không có sự tham gia đầy đủ của người làm chứng còn người chứng kiến việc khám nghiệm hiện trường là người không chứng kiến sự việc thì thấy biên bản khám nghiệm hiện trường được lập đúng theo trình tự thủ tục tố tụng hình sự quy định tại Điều 150 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng Hình sự cũng không bắt buộc người chứng kiến việc khám nghiệm hiện trường phải là người làm chứng trong vụ án, nên lý do kháng cáo nêu trên của bị cáo C là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ phân tích trên, xét thấy hành vi dùng cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh vào người Lâm Đ của bị cáo C đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan cho bị cáo nên kháng cáo kêu oan của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Đào C (C) về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Đ:

Xét thấy, bị hại Đào C yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Đ, nhưng không đưa ra tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mới cho bị cáo Đ theo Điều 48 Bộ luật Hình sự hoặc đưa ra tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo Đ là không chính xác theo Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng khung hình phạt của Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên xử bị cáo Lâm Đ 02 năm tù là phù hợp quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét

xử cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Đ, giữ nguyên hình phạt của cấp sơ thẩm, là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị hại Đào C (C) về tăng các khoản tiền bồi thường trách nhiệm dân sự:

Xét kháng cáo về khoản tiền tổn thất tinh thần: Xét thấy, bị cáo Lâm Đ gây ra thương tích cho bị hại C với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28%, trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét buộc bị cáo Đ bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại C với số tiền 30 triệu đồng là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, kháng cáo của bị hại C đối với yêu cầu buộc bị cáo Đ bồi thường tiền tổn thất tinh thần thêm 10 triệu đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại về khoản này.

Xét kháng cáo về khoản tiền giám định: Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng thì *“cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, các nhân đã trực tiếp thực hiện giám định thông báo.”*, theo đó, trong vụ án này chi phí giám định thương tích của bị hại Đào C sẽ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định trưng cầu giám định, cụ thể là Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ X phải chi trả tiền giám định, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo Lâm Đ phải bồi thường cho bị hại khoản tiền giám định là đúng quy định pháp luật, bị hại C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo Đ phải trả tiền giám định cho bị hại là không cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận. Bị cáo C có quyền liên hệ với cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Mỹ X tỉnh Sóc Trăng để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo về tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền thu nhập bị mất do thương tích bị cáo gây ra cho bị hại là vĩnh viễn thì thấy: theo quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự thì người gây thiệt hại sức khỏe của người khác phải có trách nhiệm bồi thường chi phí hợp lý cho việc bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và thu nhập bị mất, bị giảm sút do thương tích gây nên. Xét thấy, theo kết quả giám định thương tích của bị hại C thể hiện bị hại C bị tổn thương 28%, thương tích ảnh hưởng đến chức năng vận động của cánh- cẳng tay trái và cẳng bàn tay phải, tuy nhiên thương tích không gây cố tật cho bị hại và cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bị cáo Đ bồi thường khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe là 6.500.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, kháng cáo của bị hại đối với khoản tiền này không được chấp nhận. Sau này, nếu ông Chen có đi điều trị thực tế liên quan đến các vết thương do ông Đ gây ra có thể yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với kháng cáo của bị hại C cho rằng bị cáo Đ gây ra thương tích vĩnh viễn cho bị hại nên yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất là 10 triệu đồng. Xét thấy, theo kết luận giám định về thương tích số 84/TgT- PY ngày 10/5/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích gây nên đối với ông Đào C là 28%, tổn thương gây ảnh hưởng chức năng vận động của cánh- cẳng tay trái và cẳng- bàn tay phải, kết luận giám định ghi nhận là chức năng duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay phải bị hạn chế chứ không kết luận mất vĩnh viễn, bị cáo Đ cũng không đồng ý bồi thường nên kháng cáo của ông Chen yêu cầu bị cáo Đ bồi thường tiền thu nhập bị mất do thương tích 28% vĩnh viễn số tiền 10.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích tại mục [2], [3], [4], [5] xét thấy kháng cáo kêu oan của bị cáo Đào C (C) và kháng cáo tăng hình phạt, tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, tiền thu nhập bị mất do thương tích vĩnh viễn và tiền giám định của bị hại Đào C (C) là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo, bị hại Đào C (C) không được chấp nhận nên căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đào C phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng, buộc bị hại Đào C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đào C (C). Không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt, tăng tiền bồi thường của bị hại Đào C (C). Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lâm Đ.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đào C (C).

Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585; khoản 1 Điều 586; 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 36 Luật giám định tư pháp; Điều 6, Điều 8 của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lâm Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đào C (C) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Đào C (C) và chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Lâm Đ.

- Buộc bị cáo Lâm Đ bồi thường cho bị hại Đào C (C) số tiền 66.975.117đ.

- Buộc bị cáo Đào C (C) bồi thường cho bị hại Lâm Đ số tiền 7.629.962đ.

2. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Đào C (C) phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm bị hại Đào C (C) phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện Mỹ X (2);
- VKSND huyện Mỹ X;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Mỹ X;
- Chi cục THADS huyện Mỹ X;
- Bị cáo;
- PKTNVVTHA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga